

Bản án số: 98/2022/HS-ST
Ngày 10-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trọng Tuấn

Bà Cao Thị Hạ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 196X tại H. Nơi cư trú: Số X tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện T, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 10/10; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Trần Thị M; có vợ là Nguyễn Thị L và có 01 con; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Án số 13 ngày 14/12/1984, Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (xác minh tại Tòa án nhân dân huyện Cát Hải không còn lưu bản án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải không thụ lý thi hành án và Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng không có thông tin về việc chấp hành án); tạm giữ từ ngày 04/11/2021 tạm giam ngày 09/11/2021; có mặt.

2. Vũ Văn Đ, sinh năm 197Y tại H; Nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn C và bà Vũ Thị B; có vợ là Phạm Thị V và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 109/HSPT ngày

10/10/2003, Tòa án nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng xử phạt 06 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy(được đặc xá tha tù trước thời hạn kể từ ngày 30/8/2005; án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng, án phí hình sự phúc thẩm 50.000 đồng và tiền phạt 5.000.000 đồng đã thi hành xong ngày 12/10/2018); Bản án số 75/2018/HS-ST ngày 22/11/2018, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (ngày phạm tội: 28/8/2018; ngày chấp hành xong hình phạt tù: 28/11/2019; án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng đã thi hành xong ngày 22/11/2018); tạm giữ từ ngày 04/11/2021 tạm giam ngày 09/11/2021; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Bà Hoàng Thị H, Luật sư - Văn Phòng luật sư N - thuộc đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bài bào chữa cho bị cáo)

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn Đ: Bà Nguyễn Thị Hà M, Luật sư - Công ty luật C - thuộc đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 04/11/2021, tại khu vực xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hải Phòng phối hợp cùng Công an huyện An Lão và Phòng phòng chống tội phạm ma túy - Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển 1 phát hiện xe ô tô biển kiểm soát: 29T - 4608 có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy nên đã tiến hành kiểm tra. Quá trình kiểm tra trên xe có 02 người, người điều khiển xe là Lê Văn T và người ngồi ghế phụ phía trước là Vũ Văn Đ. Tổ công tác đã phát hiện thu giữ tại sàn xe phía sau bên phụ 01 gói giấy bạc màu trắng bên trong có 01 túi nilon màu trắng kích thước 8x12cm chứa chất bột màu trắng dạng cục (mẫu QT1); thu trong túi quần bên trái phía trước của T đang mặc 01 túi nilon màu trắng kích thước 3x7cm chứa chất bột màu trắng dạng cục (mẫu QT2), 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 xe ô tô biển kiểm soát: 29T - 4608; thu của Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh. Tổ công tác đã đưa T và Đ cùng vật chứng về trụ sở Công an xã Quốc Tuấn, huyện An Lão lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tiến hành khám xét chỗ ở của Lê Văn T thu giữ: 04 túi nilon kích thước 8,5x12,5cm có khóa mép màu đỏ và 02 giấy bạc kích thước 3x14cm.

Tiến hành khám xét xe ô tô biển kiểm soát: 29T - 4608 thu giữ: 01 ví màu đen bên trong có 180.000 đồng, 01 căn cước công dân số 031063007059 mang tên

Lê Văn T, 01 đăng ký xe ô tô số 0006346 mang tên Phạm Thị Trà G; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 7754470; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô.

Tại Kết luận giám định số 599/KLGD-MT ngày 08/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: chất bột màu trắng của mẫu QT1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 37,0 gam là loại Heroine; chất bột màu trắng của mẫu QT2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,97 gam là loại Heroine.

Tại Cơ quan điều tra, xét hỏi, ban đầu Lê Văn T khai: khoảng hơn 09 giờ ngày 04/11/2021, khi T và Vũ Văn Đ đang ở nhà T thì có người gọi điện thoại cho Đ hỏi mua ma túy loại Heroine. Đ đồng ý và rủ T đi mua ma túy để bán cho người này. T và Đ bàn bạc, thống nhất mua ma túy bằng tiền của T là 10.000.000 đồng, sau đó bán cho khách với giá là 12.000.000 đồng, được lãi 2.000.000 đồng thì cả hai chia nhau. T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát: 29T - 4608 chở Đ đi đến khu vực ngõ đối diện trường Trung học cơ sở Tô Hiệu, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng thì T dừng xe và đi vào trong ngõ, gặp và mua 01 “cây” Heroine của một nữ giới không quen biết với giá 10.000.000 đồng. T lấy từ trong số ma túy mua được ra một cục Heroine cho vào trong 01 túi nylon riêng cất vào túi quần bên trái đang mặc và đi ra xe ô tô rồi đưa số ma túy còn lại cho Đ. T điều khiển xe chở Đ đi đến khu vực đường 35, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão để bán ma túy cho khách thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện. Quá trình kiểm tra T có nhìn thấy Đ ném số ma túy do T đưa xuống sàn xe ô tô phía sau.

Vũ Văn Đ ban đầu cũng khai phù hợp với lời khai của Lê Văn T về việc cùng T đi mua ma túy để bán như T khai. Tuy nhiên, Đ khai có đối tượng tên H trực tiếp gọi điện cho T hỏi mua ma túy của T, T và Đ cũng không bàn bạc việc sẽ ăn chia số tiền lãi từ việc bán ma túy như lời khai của T, bản thân Đ không được hưởng lợi từ việc bán ma túy nêu trên.

Sau đó Lê Văn T thay đổi lời khai: Sáng ngày 04/11/2021, H là bạn của Đ gọi vào điện thoại của T bảo cho gặp Đ, T chuyển máy cho Đ, Đ nói chuyện gì với H thì T không rõ. Sau khi nói chuyện với H, Đ rủ T đi An Lão chơi (không có việc Đ rủ T đi mua ma túy để bán ma túy như ban đầu T khai). Trên đường đi An Lão, đến khu vực ngõ đối diện trường Trung học cơ sở Tô Hiệu, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng thì T dừng xe và đi vào trong ngõ, gặp và mua của một nữ giới không quen biết 01 “cây” Heroine với giá 10.000.000 đồng. T lấy một cục Heroine trong số ma túy vừa mua được cho vào túi nylon cất vào túi quần bên trái đang mặc để khi nào tiện thì sử dụng và đi ra xe ô tô rồi đưa số ma túy còn lại cho Đ cầm hộ. T khai toàn bộ số ma túy T mua là nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân, không có mục đích bán cho ai.

Vũ Văn Đ sau đó cũng thay đổi lời khai: Đ đi cùng T không phải để bán ma túy cho Hiệp. Về gói giấy bạc T đưa, Đ không biết bên trong có chứa chất gì. Đ không giải thích được vì sao lại thay đổi lời khai như trên.

Mặc dù Lê Văn T và Vũ Văn Đ thay đổi lời khai nhưng căn cứ lời khai ban đầu của Lê Văn T và Vũ Văn Đ phù hợp nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ để xác định lời khai ban đầu của T và Đ về việc cùng nhau đi mua ma túy để bán kiếm lời là có căn cứ, việc các bị cáo thay đổi lời khai, khai không mua bán ma túy là không có căn cứ.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với xe ô tô biển kiểm soát: 29T - 4068 là xe do vợ chồng Lê Văn T cầm cố của ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960, nơi cư trú: xóm Chu, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, ông M thuê chiếc xe trên của ông Vũ Văn Lai, sinh năm 1961, nơi cư trú: ngõ 11 đường 25/10 thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ông L khai đã mua chiếc xe trên nhưng không nhớ đã mua của ai, không còn giấy tờ mua bán xe. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định được người có tên trên giấy đăng ký xe là chị Phạm Thị Trà Giang, sinh năm 1973, nơi cư trú: M01 T7A Tập chí Cộng sản Đ học Hà Nội, thành phố Hà Nội. Chị Giang khai đã bán chiếc xe trên vào năm 2007, nhưng không nhớ bán cho ai và không còn giữ giấy tờ gì liên quan đến việc mua bán xe. Do chưa xác định được chủ sở hữu của chiếc xe trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hải Phòng tiếp tục tạm giữ xe và các giấy tờ liên quan (đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm) để xác minh làm rõ xử lý sau.

- Chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng: 01 bì giấy niêm phong số 599MT/PC09 đựng số ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao bì. 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 04 túi nilon, 02 mảnh giấy bạc, 01 ví màu đen, 01 căn cước công dân mang tên Lê Văn T và số tiền 180.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 113/CT-VKS-P1 ngày 20 tháng 7 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Lê Văn T và Vũ Văn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đối với đối tượng Hiệp là người gọi điện thoại từ thuê bao di động số 0964152329 hỏi mua ma túy của T và Đ vào ngày 04/11/2021, qua xác minh xác định chủ thuê bao là Đỗ Văn Hiệp - sinh năm 1982, nơi cư trú: thôn Kim Châm, xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Tại Cơ quan điều tra, Hiệp khai không quen biết Lê Văn T, Vũ Văn Đ và không sử dụng số thuê bao trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho T, Đ nhận dạng Đỗ Văn Hiệp nhưng cả hai không nhận được. Do đó Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý đối với Đỗ Văn Hiệp.

Đối với phụ nữ bán ma túy cho T hiện không xác định được lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng không có cơ sở để điều tra, xử lý.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu, không có ý kiến gì về tội danh và khung hình phạt, phần lời nói sau cùng các bị cáo xin pháp luật khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 16 năm đến 17 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Phạt bổ sung hình phạt tiền bị cáo từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng.

Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn Đ từ 16 năm đến 17 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Phạt bổ sung hình phạt tiền bị cáo từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định cùng 04 túi nilon, 02 mảnh giấy bạc; tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Trả lại bị cáo Lê Văn T 01 ví màu đen, 01 căn cước công dân mang tên Lê Văn T. Tạm giữ số tiền 180.000 đồng của Lê Văn T để đảm bảo việc thi hành án.

Tại phiên tòa Người bào chữa cho bị cáo Đ không có ý kiến tranh luận về tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Đ trong đồng phạm thực hiện hành vi giúp sức, đã thành khẩn khai báo; gia đình có công để cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn với đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo T và Đ khai nhận hành vi phạm tội như lời khai ban đầu tại cơ quan điều tra, phù hợp nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 09 giờ ngày 04/11/2021, các bị cáo Lê Văn T, Vũ Văn Đ, người chủ mưu, thực hành, người giúp sức thực hiện hành vi mua, cất giữ trái phép tổng số 37,97 gam ma túy loại Heroine nhằm bán cho người khác kiếm lời. Hành vi của các bị cáo Lê Văn T và Vũ Văn Đ thực hiện đủ yếu tố cấu thành đồng phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát thành phố Hải Phòng về tội danh cũng như điều luật áp dụng đối với từng bị cáo là đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước ta mà còn gây mất trị an ở địa phương và là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Vũ Văn Đ có 02 tiền án chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Vũ Văn Đ và Lê Văn T ban đầu đều khai báo thành khẩn, sau đó thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, Tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ có bố mẹ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về vai trò và quyết định hình phạt chính: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên cần căn cứ Điều 58 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt.

Bị cáo Lê Văn T là người chủ mưu, trực tiếp mua ma túy nên giữ vai trò cao nhất. Xét, bị cáo T nhân thân có 01 tiền án đã được xóa án tích. Qua đó cho thấy bị cáo có nhân thân xấu. Cần xét xử bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt để răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo Vũ Văn Đ tham gia đồng phạm giúp sức cho bị cáo T trong vụ án. Vì vậy, vai trò của bị cáo Đ thấp hơn bị cáo T, Đ tuy được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ nhưng có 02 tiền án chưa được xóa án tích nay phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” nên cần phải áp dụng mức hình phạt cao ngang với T.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 bì giấy niêm phong số 599MT/PC09 đựng số ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao bì, 04 túi nilon, 02 mảnh giấy bạc là đồ vật nhà nước cấm lưu hành hoặc không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia các bị cáo sử dụng để liên lạc khi thực hiện hành vi mua bán ma túy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 ví màu đen, 01 căn cước công dân mang tên Lê Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo. Tiếp tục tạm giữ số tiền 180.000 đồng của bị cáo Lê Văn T để đảm bảo việc thi hành án.

[10] Đối với xe ô tô biển kiểm soát: 29T – 4068, do chưa xác định được chủ sở hữu của chiếc xe trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hải Phòng tiếp tục tạm giữ xe và các giấy tờ liên quan (đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm) để xác minh làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với lượng ma túy Lê Văn T tách ra cất giữ trong người có khối lượng là 0,97 gam Heroine, T khai để sử dụng cho bản thân. Hành vi trên có dấu hiệu của tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, xét bản chất của hành vi trên cũng là vừa để sử dụng vừa để bán, trong khi T đã bị khởi tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy nên cần thu hút khối lượng ma túy trên vào tội danh Mua bán trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra không khởi tố thêm đối với T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[12] Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 (Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Đ), Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

+ Bị cáo Lê Văn T 16 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2021.

+ Bị cáo Vũ Văn Đ 16 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2021.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định chứa trong 01 bì giấy niêm phong số 599MT/PC09 đựng số ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao bì; 04 túi nilon màu trắng có kích thước 8,5cmx12,5cm; 02 mảnh giấy bạc có kích thước 3cmx14cm

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia màu đen có số Imei 1: 354204109332270, số Imei 2: 354205100612271; 02 sim có số ICCID: 8401210633056020; 01 sim có số ICCID: 8401181124002857 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia màu xanh có số Imei 1: 352415908672904, số Imei 2: 352415909672903; gắn 01 sim có số ICCID:8401201124422149.

+ Trả lại bị cáo Lê Văn T 01 căn cước công dân số 031063007059 và 01 ví màu đen.

+ Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Lê Văn T số tiền 180.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án,

(Vật chứng được lưu giữ theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 22/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và biên lai ủy nhiệm chi số X4-02a/KB ngày 26/7/2022 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Hải Phòng cho cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm;

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV và THA;
- UBND xã (nơi BC cư trú);
- Lưu: VT, HS.

Nguyễn Mạnh Hà